TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2025/KDTM-PT
Ngày: 23/4/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Nhàn
Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 238/2024/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2024 về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 574/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3364/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: 89 đường L, phường L, quận Đ, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Phú S (có mặt ngày 17/4/2025, vắng mặt ngày 23/4/2025).

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 13212/2024/UQN-PGĐ ngày 19/12/2024).

***Bị đơn*:** Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: F16 Đường 30 đường T, Phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trịnh Minh T (vắng mặt)

- Bà Võ Thị Trúc L (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 19 đường V, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số: 09/UQ/2024 ngày 02 tháng 05 năm 2024).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

1/ Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Thị H (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc L (Có mặt)

- Bà Nguyễn Hoàng Yến N (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 7, 485B đường N, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số: 2212/2024/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 06/12/2024)

2/ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 308 Tổ 40, Ấp B, phường B, Thành phố L, tỉnh An Giang.

3/ Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 22, Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

4/ Bà Trương Thị Cẩm G, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 22, Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mai Phú S trình bày: Công ty Cổ phần Đ đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23014 ngày 02/02/2023 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23015 ngày 08/02/2023 và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể như sau:

1/ Khế ước nhận nợ số: ETG/23014/KU/ Lần 01; số tiền vay là 24.765.000.000 (hai mươi tư tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng); trong thời hạn 06 tháng; ngày giải ngân 03/02/2023; ngày đến hạn 03/8/2023; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ việc kinh doanh bán buôn sắt thép; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12.9%/năm, cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần.

2/ Khế ước nhận nợ số: ETG/23014/KU/Lần 02; số tiền vay là 1.651.000.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu đồng); trong thời hạn 06 tháng; ngày giải ngân 22/3/2023; ngày đến hạn 22/9/2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12.2%/năm, cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần.

3/ Khế ước nhận nợ số: 030823-10274755-ONL-3; số tiền vay là 700.000.000 (Bảy trăm triệu đồng); trong thời hạn 06 tháng; ngày giải ngân 03/8/2023; ngày đến hạn 03/02/2024; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ việc kinh doanh bán buôn sắt thép; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 16%/năm, cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần.

4/ Khế ước nhận nợ số: 030823-10274755-ONL-1; số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ đồng); trong thời hạn 06 tháng; ngày giải ngân 03/8/2023; ngày đến hạn 03/02/2024; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ việc kinh doanh bán buôn sắt thép; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 16%/năm, cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Phúc Th và bà Trương Thị Cẩm G đã ký với Ngân hàng TMCP V các Hợp đồng thế chấp số ETG/23014/HDTC ngày 02/02/2023, số công chứng số 01018, quyển số: 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01 ngày 29/3/2023, số công chứng 03178, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, ông Nguyễn Phúc T và bà Trương Thị Cẩm G đồng ý thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP V, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 565, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: số 67/18, đường P, Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 597416, Sổ vào số cấp GCN: CS20843 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 580, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 597415, Sổ vào số cấp GCN: CS20842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023;

Việc thế chấp và nhận thế chấp các tài sản nêu trên đã được Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật xác nhận giao dịch và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 02/02/2023, ông Nguyễn Ngọc Tđã ký kết với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng bảo lãnh số ETG/23014/BLCN, theo đó ông Nguyễn Ngọc T đồng ý cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V theo các hợp đồng đã ký kết. Vì vậy,

Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty Cổ phần Đ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 03/8/2023. Sau đó, Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty Cổ phần Đ, các bên có liên quan để yêu cầu hoàn trả nợ vay, thực hiện cam kết nhưng Công ty Cổ phần Đ và các bên có liên quan cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần Đ cho Ngân hàng TMCP V.

Ngày 29/06/2024, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER ký hiệu 15/PL01/HĐ03/2024/VPB-JUPITERMN đối với khoản vay giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Đ. Theo đó, phần của khoản nợ được mua bán là 90% của nợ gốc, nợ lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng liên quan khác được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Đ. Phần của khoản nợ chưa bán được xác định là toàn bộ tiền lãi trong hạn và 10% của nợ gốc, nợ lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả, tiền phạt vi phạm bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng liên quan khác được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Đ. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M còn thỏa thuận như sau: Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M cùng nhau trở thành bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán.

Do đó, Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:

1/ Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 10/09/2024 tổng cộng là 34.531.383.861 (Ba mươi tư tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng). Trong đó: nợ gốc quá hạn: 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng); nợ lãi trong hạn: 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn: 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng); nợ lãi chậm trả: 89.768.890 (Tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

2/ Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 565, tờ bản số 20, địa chỉ: số 67/18, đường P, Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 597416, Sổ vào số cấp GCN: CS 20843 do Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 580, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 597415, Sổ vào số cấp GCN: CS20842 do Sở TN&MT cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

3/ Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M thì ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số ETG/23014/BLCN ngày 02/02/2023 đã ký với Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ là ông Trịnh Minh T trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V về việc ký kết các hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ vay của Công ty Cổ phần Đ cũng như thống nhất số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 10/09/2024 tổng cộng là 34.531.383.861 (Ba mươi tư tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn: 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng); nợ lãi trong hạn: 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn: 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng); nợ lãi chậm trả: 89.768.890 (Tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi đồng). Do đó, Công ty Cổ phần Đ đồng ý thanh toán số nợ còn thiếu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Công ty Cổ phần Đ đề nghị được giảm nợ lãi cũng như tạo điều kiện cho bị đơn có thêm thời gian thanh toán nợ. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì bị đơn không có ý kiến gì đối với trách nhiệm bảo lãnh của ông Nguyễn Ngọc T cũng như việc đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo lời trình bày của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần M là bà Nguyễn Hoàng Yến N trình bày: Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn và có cùng yêu cầu với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Phúc T, bà Trương Thị Cẩm G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V là ông Đặng Trọng D xác định chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Mtổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 10/09/2024 tổng cộng là 30.500.000.000 (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó: nợ gốc: 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng); nợ lãi là 2.384.880.035 (Hai tỷ ba trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn không trăm ba mươi lăm đồng). Hạn cuối cùng thanh toán là ngày 20/09/2024. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 30.500.000.000 (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng) từ ngày 11/09/2024 đến ngày 20/09/2024. Kể từ ngày 21/09/2024, Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Giữ nguyên các yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp cũng như bảo lãnh.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ là ông Trịnh Minh T đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M số nợ theo ý kiến nêu trên của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần M là bà Nguyễn Hoàng Yến N cũng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 4 đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23014 ngày 02/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23015 ngày 08/02/2023 tạm tính đến ngày 10/09/2024 tổng cộng là 30.500.000.000 đồng (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng).

Hạn cuối cùng thanh toán là ngày 20/09/2024.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm tiền lãi đối với số tiền 30.500.000.000 (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng) đồng tính từ ngày 11/09/2024 đến hết ngày 20/09/2024.

Kể từ ngày 21/09/2024 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty Cổ phần Đ còn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23014 ngày 02/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23015 ngày 08/02/2023 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 565, tờ bản số 20, địa chỉ: số 67/18, đường P, Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 597416, Sổ vào số cấp GCN: CS 20843 do Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 580, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 597415, Sổ vào số cấp GCN: CS20842 do Sở TN&MT cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

1.4. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M thì ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số ETG/23014/BLCN ngày 02/02/2023 đã ký với Ngân hàng TMCP V.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2024, Hội đồng xét xử sơ thẩm ban hành Thông báo số 105/2024/TB-TA về việc sửa chữa, bổ sung bản án:

"*1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23014 ngày 02/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23015 ngày 08/02/2023 tạm tính đến ngày 10/09/2024 tổng cộng là 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng).*

Cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (10% x 30.500.000.000 đồng) = 3.050.000.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M(90% x 30.500.000.000 đồng) = 27.450.000.000 đồng."

Ngày 23/9/2024, cả nguyên đơn, bị đơn và người liên quan là Công ty Cổ phần M đều có đơn kháng cáo. Trong đó, nguyên đơn và Công ty Cổ phần M cùng yêu cầu kháng cáo về việc bản án sơ thẩm tuyên không đúng nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần M nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã chưa xem xét toàn diện, khách quan bản án nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 11/4/2025, bị đơn rút đơn kháng cáo đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người liên quan Công ty Cổ phần M cùng trình bày: Trong phiên tòa sơ thẩm, các bên không đưa ra ý kiến nào để thỏa thuận với nhau như ghi nhận tại bản án sơ thẩm. Việc giảm số tiền thanh toán (yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ là hơn 34 tỷ đồng nhưng Bản án sơ thẩm ghi nhận các bên thỏa thuận thanh toán số tiền 30,5 tỷ đồng) là không đúng ý kiến của các bên đã trình bày tại phiên tòa, không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đúng ý kiến trình bày của Công ty Cổ phần M tại phiên tòa và nếu có cũng vượt quá phạm vi ủy quyền của người đại diện ủy quyền. Mặt khác, việc Hội đồng xét xử tuyên không rõ ràng trách nhiệm thanh toán nợ của công ty Đ đối với mỗi bên là Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M gây khó khăn trong giai đoạn thi hành án. Đồng thời các bên cũng không có thỏa thuận nào về việc không yêu cầu thanh toán lãi từ ngày 10/9/2024 đến 20/9/2024 như nhận định của bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và Công ty Cổ phần M:

Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là ngày xét xử sơ thẩm: 3.453.138.386 (Ba tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 2.811.511.997 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu năm trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn 76.748.589 (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 555.900.911 (Năm trăm năm mươi lăm triệu chín trăm nghìn chín trăm mười một đồng), phạt chậm trả lãi là 8.976.889 (Tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là ngày xét xử sơ thẩm: 31.078.245.475 (Ba mươi mốt tỷ không trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 25.303.607.969 (Hai mươi lăm tỷ ba trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 690.737.304 (Sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn đồng), nợ lãi quá hạn 5.003.108.202 (Năm tỷ không trăm lẻ ba triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ hai đồng), phạt chậm trả lãi 80.792.001 (Tám mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm lẻ một đồng).

Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tính từ ngày 11/9/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của các đương sự là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 10/9/2024, Toà án nhân dân Quận 4 ban hành Bản án số 31/2024/KDTM-ST. Ngày 23/9/2024, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần M cùng có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của các đương sự là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đ, địa chỉ tại số F16, đường 30, đường T, phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo nhưng đã có đơn rút đơn kháng cáo đề ngày 11/4/2025. Việc rút đơn kháng cáo của bị đơn là tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là Ngân hàng V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần M (sau đây viết tắt là công ty M): Do Ngân hàng V và công ty M cùng có yêu cầu kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm ghi nhận nội dung buộc công ty Đ thanh toán số nợ tính đến ngày 10/9/2024 tổng số tiền là 34.531.383.861 (Ba mươi tư tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng) (gồm nợ gốc 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), lãi quá hạn 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng), phạt chậm trả lãi 89.768.890 (Tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm

chín mươi đồng). Đề nghị sửa án ghi nhận công ty Đ thanh toán cho công ty M 90% và Ngân hàng V 10% số tiền trên đồng thời tuyên buộc công ty Đỗ T tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 11/9/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là Ngân hàng V, bị đơn là công ty Đỗ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty M thống nhất số nợ tổng cộng tính đến ngày 10/9/2024 là 30.500.000.000 (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng) và công ty Đỗ T đồng ý thanh toán cho Ngân hàng V và công ty M. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, cả Ngân hàng V và công ty M đều xác định không trình bày, không thỏa thuận như ghi nhận tại Bản án sơ thẩm. Qua xem xét Biên bản phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy biên bản phiên tòa sơ thẩm đã ghi nhận ý kiến của đại diện ủy quyền của công ty M thỏa thuận nội dung giảm số tiền thanh toán cho bị đơn là vượt quá phạm vi ủy quyền của người được ủy quyền tại Văn bản ủy quyền số 1807/2024/UQ-XLN-JUPITER ngày 25/4/2024. Mặt khác, biên bản phiên tòa còn ghi nhận việc xét hỏi, đối đáp qua điện thoại giữa đương sự đại diện ủy quyền của công ty M, giữa chủ tọa phiên tòa, giữa đại diện ủy quyền của bị đơn với một người tự xưng tên H, giữ chức vụ quản lý về mảng cho vay đối với doanh nghiệp của công ty M tại các trang 15, 16, 17 là vi phạm nguyên tắc "*xét xử bằng lời nói và được tiến hành tại phòng xử án*" quy định tại khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bên cạnh đó, sau khi Bản án sơ thẩm phát hành, Hội đồng xét xử sơ thẩm ban hành Thông báo số 105/2024/TB-TA ngày 11/9/2024 về việc sửa chữa, bổ sung Bản án với nội dung sửa chữa, bổ sung như sau:

"*Cụ thể như sau:*

- Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (10% x 30.500.000.000 đồng) = 3.050.000.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M (90% x 30.500.000.000 đồng) = 27.450.000.000 đồng."

Hội đồng xét xử xét thấy, việc sửa chữa này của cấp sơ thẩm không về chính tả và cũng không về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai nên đã vi phạm khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc ghi nhận ý kiến thỏa thuận của các bên tại phiên tòa như phân tích ở trên nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng V và công ty M theo kháng cáo như sau:

Hồ sơ thể hiện các bên đã thống nhất số nợ gốc còn lại theo trình bày của nguyên đơn là 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), lãi quá hạn 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng, các khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Có căn cứ để chấp nhận số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn của công ty Đỗ T như trình bày của Ngân hàng V và công ty M. Về số tiền phạt chậm trả lãi, tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng V và công ty M đều xác định các bên có thỏa thuận phạt chậm trả lãi trong hợp đồng và khế ước nhưng không chỉ ra được sự thỏa thuận này thể hiện cụ thể tại điều khoản nào. Hội đồng xét xử cũng đã nghiên cứu các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp không có tài liệu nào thể hiện các bên có thỏa thuận việc phạt chậm trả lãi. Ngân hàng V và công ty M viện dẫn các quy định pháp luật cho phép áp dụng phạt chậm trả lãi nhưng hợp đồng các bên không thỏa thuận nội dung này. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phạt chậm trả lãi của Ngân hàng V và công ty M đối với công ty Đ. Như đã phân tích, việc Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên đề nghị của Ngân hàng V và công ty M buộc công ty Đỗ T tiếp tục thanh toán lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 với lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định ở trên, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu cầu kháng cáo của Ngân hàng V và công ty M. Nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Sửa một phần Bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc công ty Đỗ T thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 10/9/20204 là 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), lãi quá hạn 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng). Cụ thể:

công ty Đỗ Tphải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là: 3.444.161.496 (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 2.811.511.996 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu năm trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn 76.748.589 (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 555.900.911 (Năm trăm năm mươi lăm triệu chín trăm nghìn chín trăm mười một đồng). Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V buộc công ty Đỗ Tthanh toán khoản phạt chậm trả lãi là 8.976.889 (Tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

công ty Đỗ Tphải thanh toán cho công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là: 30.997.453.474 (Ba mươi tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi tư đồng). Trong đó nợ gốc là 25.303.607.969 (Hai mươi lăm tỷ ba trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 690.737.303 (Sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ ba đồng), nợ lãi quá hạn 5.003.108.202 (Năm tỷ không trăm lẻ ba triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ hai đồng). Không chấp nhận yêu cầu của công ty M buộc công ty Đỗ T thanh toán khoản phạt chậm trả lãi 80.792.001 (Tám mươi triệu bảy trăm chín mươi

hai nghìn không trăm lẻ một đồng).

công ty Đỗ T còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 11/9/2024 đến ngày thực tế thanh toán.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên về quyền xử lý tài sản bảo đảm nhưng chưa tuyên trường hợp công ty Đỗ T thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ mà không phải xử lý tài sản bảo đảm là có thiếu sót, chưa bảo đảm quyền của chủ tài sản. Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bổ sung nội dung hoàn trả tài sản bảo đảm trong trường hợp này.

[4] Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Ngân hàng V phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận. Án phí Ngân hàng V phải chịu là 3.000.000 (Ba triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty M phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận. Án phí công ty M phải chịu là 4.039.600 (Bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Công ty Đỗ T phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho công ty M và Ngân hàng V là 34.441.614.970 (Ba mươi bốn tỉ bốn trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Án phí công ty Đỗ T phải chịu là 142.441.615 (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm mười lăm đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng V và công ty M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu đồng).

Bị đơn rút đơn kháng cáo trước thời điểm mở phiên tòa nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm là 1.000.000 (một triệu đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 225, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đ.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Cổ phần M:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Cổ phần M:

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23014 ngày 02/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ETG/23015 ngày 08/02/2023 tạm tính đến ngày 10/09/2024 là 28.115.119.965 (Hai mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 767.485.892 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), lãi quá hạn 5.559.009.113 (Năm tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm mười ba đồng). Cụ thể:

Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là: 3.444.161.496 (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 2.811.511.996 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu năm trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn 76.748.589 (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín) đồng), nợ lãi quá hạn 555.900.911 (Năm trăm năm mươi lăm triệu chín trăm nghìn chín trăm mười một đồng). Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán khoản phạt chậm trả lãi 8.976.889 (Tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là: 30.997.453.474 (Ba mươi tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi tư đồng). Trong đó nợ gốc là 25.303.607.969 (Hai mươi lăm tỷ ba trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 690.737.303 (Sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ ba đồng), nợ lãi quá hạn 5.003.108.202 (Năm tỷ không trăm lẻ ba triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ hai đồng). Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán khoản phạt chậm trả lãi 80.792.001 (Tám mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm lẻ một đồng).

Công ty Cổ phần Đ còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 11/9/2024 đến ngày thực tế thanh toán.

2.2. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ thanh toán đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có nghĩa vụ hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản bảo đảm là ông Nguyễn Phúc T hai Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 597416, Số vào sổ cấp GCN: CS 20843 và số CV 597415, Số vào sổ cấp GCN: CS20842 do Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020.

2.3 Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 565, tờ bản số 20, địa chỉ: số 67/18, đường P, Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 597416, Sổ vào số cấp GCN: CS 20843 do Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 580, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Phường 03, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 597415, Sổ vào số cấp GCN: CS20842 do Sở TN&MT cấp ngày 02/06/2020, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu cho ông Nguyễn Phúc T vào ngày 14/01/2023, cập nhật biến động lần cuối ngày 03/02/2023.

Khi xử lý tài sản nếu giá trị tài sản lớn hơn giá trị nợ của Công ty Cổ phần Đ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền chênh lệch cho chủ tài sản.

Nếu giá trị tài sản nhỏ hơn giá trị nợ của Công ty Cổ phần Đ thì Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ này.

2.4. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M thì ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số ETG/23014/BLCN ngày 02/02/2023 đã ký với Ngân hàng TMCP V.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP V.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP V phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận. Án phí Ngân hàng TMCP V phải chịu là 3.000.000 (Ba triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.426.000 (Sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0034140 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP V được nhận lại 66.426.000 (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Công ty Cổ phần M phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận. Án phí Công ty Cổ phần M phải chịu là 4.039.600 (Bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho công ty M và Ngân hàng TMCP V là 34.441.614.970 (Ba mươi bốn tỉ bốn trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Án phí Công ty Cổ phần Đ phải chịu là 142.441.615 (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm mười lăm đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006697 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006698 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 1.000.000 (một triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006696 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng).

5. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Ngô Thanh Nhàn	**Vũ Thị Hường**	**Phùng Thị Như Mai**


2024KTPT38914
1 000128 764210
17.02.2025 11:11
Ngân hàng TMCP Việt Nam